

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2021/DS-PT

Ngày 17-11-2021

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng;
Bà Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp thừa kế tài sản.

Do có Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm, giao xét xử lại theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của đồng nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; cư trú tại: Số X, đường Y, khu phố HT, phường HN, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956; cư trú tại: B4, khu phố LT, phường L TT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

1.3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh ngày 11-11- 1961; cư trú tại: Số U, đường M, khu phố HĐ, phường H T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà A, bà Th: Luật sư Phạm Lê Duy, công tác tại Công ty Luật TNHH Đặng Minh Đăng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991; cư trú tại: Khu phố ND, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

2.2. Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1993; cư trú tại: Khu phố ND, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị T, anh T1: Anh Phạm Văn Tình, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 03-01-2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1984; cư trú tại: Số Z, ấp 1, xã PV, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của chị C: Anh Phạm Văn Tình, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 15-02-2020); có mặt.

3.2. Bà Hồ Nguyệt T2, sinh năm 1957; cư trú tại: Số Z, ấp 1, xã PV, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T2: Chị Lê Thị Kiều Diễm, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp Ninh An, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 15-02-2020); có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18-11-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th (nguyên đơn) và người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn tại các giai đoạn tố tụng trước đây thống nhất trình bày:

Cha mẹ của ông Đ, bà A, bà Th là cụ ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1926, mất năm 1986; cụ bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1925, mất năm 2017. Hai cụ có tất cả 04 người con: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Th và

Nguyễn Văn Nh; hai cụ không có con nuôi, không có con ngoài giá thú, cha mẹ của hai cụ đều đã chết.

Trong thời gian chung sống cụ O và cụ Ng có tạo lập được nhiều tài sản chung và sau khi cụ O chết thì vào khoảng năm 1990 cụ Ng và các con trong gia đình đã thống nhất chia tài sản do hai cụ để lại, cụ thể như sau: Đất ruộng 4,5 ha tại ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (chia cho ông Đ 1,2 ha; bà A 01 ha; bà Th 01 ha; ông Nh 1,3 ha) đã bán vào năm 1990. Đất rẫy 3,1 ha tại ấp Ninh Nghĩa, xã Ninh Thạnh, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) chia cho Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn Nh. Riêng phần đất thổ cư diện tích 1.055 m², thửa số 131, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố ND, phường NT, thành phố Tây Ninh để lại sinh hoạt gia đình, sau khi cụ O chết thì cụ Ng sống chung với vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh trên phần đất này. Vào năm 1995, ông Nh đăng ký và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là: UBND) huyện Hòa Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSDĐ). Trong thời gian sống trên đất, ông Nh đã chuyển nhượng cho hai người nên diện tích đất còn lại là 697 m². Năm 2019, ông Nh chết, ông Nh có vợ là bà Hồ Nguyệt T2 nhưng đã ly hôn; ông Nh có 03 người con là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Minh T2 đất này hiện các con ông Nh quản lý. Ông Đ, bà Th, bà A thống nhất yêu cầu chia diện tích đất trên thành 04 phần bằng nhau; cho các con của ông Nh một phần; các ông bà mỗi người nhận một phần trị giá thành tiền. Ngoài ra không yêu cầu chia tài sản gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Minh T1 (bị đơn) và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Thừa nhận ông Nguyễn Văn Nh có quan hệ huyết thống như nguyên đơn đã trình bày. Ông Nh và bà Hồ Nguyệt T2 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 1984; ông bà có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Minh T1. Đến năm 2004, ông Nh và bà T2 ly hôn.

Quá trình sống chung vợ chồng, ông Nh bà T2 được cha mẹ là cụ O và cụ Ng cho một phần đất có diện tích 1.055m², thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp ND, xã NT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố ND, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) ông Nguyễn Văn Nh được UBND huyện Hòa Thành cấp GCNQSDĐ ngày 19-12-1995. Sau đó, vợ chồng ông Nh có chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác nên phần diện tích đất này còn lại là 697 m². Quá trình cấp GCNQSDĐ được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Trước và sau thời điểm được cấp giấy thì ông Nh, bà T2 đã sinh sống ổn định trên phần đất này từ đó

cho đến nay và không có ai tranh chấp, đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế sử dụng đất đối với cơ quan nhà nước. Vào thời điểm ông Nh được cấp GCNQSDĐ thì cụ Ng vẫn còn sống, ông Đ, bà A và bà Th đều biết việc này nhưng không ai có ý kiến phản đối.

Chị T và anh T1 xác định phần đất trên là tài sản chung của ông Nh, bà T2 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, thời điểm ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nh đã chết và không để lại di chúc nên tài sản này được chia cho các con của ông Nh, không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc C và người đại diện hợp pháp của chị C thống nhất trình bày:

Chị C thống nhất ý kiến trình bày của chị T, anh T1, chị không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Nguyệt T2 và người đại diện hợp pháp của bà T2 thống nhất trình bày:

Bà T2 thống nhất ý kiến trình bày của chị T, anh T1 và chị C; bà không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 213; 218 và Điều 220 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với chị Nguyễn Ngọc C chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Minh T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí đo đạc, định giá; quyền và nghĩa vụ chậm thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 226/2020/DS-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 623, 649, 651, 652 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ...

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th đối với chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Minh T1 về "Tranh chấp thừa kế tài sản";

+ Giao cho chị Nguyễn Ngọc C, chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Minh T2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế 622,8 m² (có tuyên tứ cận kèm theo) cùng tài sản trên đất. Buộc chị C, chị T và anh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ, bà A, bà Th mỗi người số tiền 963.600.000 đồng.

+ Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

- Ngày 07 tháng 4 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 108/QĐKNGĐT-VKS-DS đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 226/2020/DS-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm. Giao hồ sơ về xét xử sơ thẩm lại và tạm đình chỉ thi hành Bản án này.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 190/2021/DS-GĐT ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 108/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 07-4-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hủy Toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 226/2020/DS-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Th, bà A trình bày: Đối với “Giấy giao quyền sử dụng nhà đất thổ cư” có chữ ký và điểm chỉ của ông Đ, bà Th và mẹ các đương sự là bà Ng được UBND xã Ninh Thạnh thị thực ngày 23-9-1994 là giả mạo.

- Luật sư Duy trình bày tranh luận: Tại Bản tường trình của cụ Ng thể hiện là cho ông Nh đứng tên tạm đất này, Tờ minh định tài sản cũng xác định ông Nh đồng ý trả đất cho cha mẹ, Bản án hôn nhân và gia đình nhận định đất này không phải của ông Nh. Do đó, có căn cứ cho rằng đất tranh chấp là tài sản do cha mẹ các đương sự để lại chưa chia, cha mẹ không có di chúc, Giấy giao quyền sử dụng nhà đất thổ cư năm 1994 là giả mạo nên đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

- Ông Tình trình bày: Đối với “Giấy giao quyền sử dụng nhà đất thổ cư” có chữ ký và điểm chỉ của ông Đ, bà Th và mẹ các đương sự là bà Ng được UBND xã Ninh Thạnh thị thực ngày 23-9-1994 có giá trị pháp lý. Khi ông Nh đăng ký đất này cụ Ng còn sống nhưng không có ý kiến phản đối. Ngoài ra, ông Nh còn chuyển nhượng đất này cho hai người khác cụ Ng và các nguyên đơn biết nhưng không ai phản đối, ông Nh sử dụng đất ổn định xây nhà trọ trên đất nên diện tích đất tranh chấp trên không phải là di sản thừa kế của cụ O và cụ Ng, mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Văn Nh. Căn cứ Án lệ số 24/2018/AL đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Diễm trình bày: Đất tranh chấp là tài sản chung của ông Nh, bà T2, do ông Nh đại diện đứng tên đăng ký, bản án hôn nhân gia đình giữa ông Nh bà T2 về tài sản chỉ là nhận định chứ không phải quyết định, do đó không có căn cứ cho rằng đất này là tài sản của cha mẹ ông Nh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm căn cứ Án lệ số 24/2018/AL không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các nguyên đơn cho rằng phần đất thổ cư còn lại là 697 m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 10, đo đạc thực tế diện tích 622,8 m² (tương ứng thửa đất mới số 51, tờ bản đồ mới số 27), hiện nay tọa lạc tại khu phố ND, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Văn Nh đứng tên là di sản do cha mẹ để lại, ông Nh tự đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất; cha mẹ chết không để lại di chúc và chưa có phân chia. Yêu cầu bị đơn chia thừa kế diện tích đất trên theo quy định của pháp luật. Phía bị đơn cho rằng đất tranh chấp là tài sản của vợ chồng ông Nh được cha mẹ ông Nh tặng cho từ năm 1995 và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về hàng thừa kế theo pháp luật được xác định như sau: Cụ ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1926, mất năm 1986; cụ bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1925, mất năm 2017. Hai cụ có tất cả bốn người con: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Văn Nh; ông Nguyễn Văn Nh chết có 03 người con là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Minh T1. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi, con ngoài giá thú.

[3] Xét kháng cáo của các nguyên đơn thấy rằng:

Mặc dù các đương sự đều thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông Đ. Tuy nhiên, sau khi cụ Nguyễn Văn O chết thì cụ Nguyễn Thị Ng cùng các con đã thống nhất phân chia tài sản chung của hai cụ; trong đó có quyền sử dụng đất diện tích là diện tích 1.055m², thửa đất số 131, tờ bản đồ số 10 (hiện đang tranh chấp) được cụ Ng đồng ý để ông Nh đứng tên kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện tại “Giấy giao quyền sử dụng nhà đất thổ cư” có chữ ký và điểm chỉ của ông Đ, bà Th và mẹ các đương sự là bà Ng được UBND xã ND thị thực ngày 23-9-1994 đây là chứng cứ không cần phải chứng minh, Bản tường trình ngày 14-10-2004 của cụ Ng (bút lục số 73) nên đã được xác lập chủ quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Nh vào năm 1995; cụ Ng và các anh chị em của ông Nh không có tranh chấp; ông Nh đã xây cất nhà và sinh sống ổn định trên đất cho đến khi chết (năm 2019). Trong quá trình sử dụng đất, ông Nh và bà T2 đã hai lần làm thủ tục chuyển nhượng một phần diện tích

đất cho hai người; vào thời điểm chuyển nhượng thì cụ Ng còn sống và ông Đ, bà A, bà Th vẫn biết nhưng không có ý kiến phản đối (bút lục số 142 đến 144). Do đó, có căn cứ xác định tài sản chung của cụ O và cụ Ng đã được cụ Ng và các con (ông Đ, bà A, bà Th, ông Nh) phân chia xong. Việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế, quyền sử dụng đất diện tích còn lại 622,8 m² thửa đất số 51, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02146 QSDĐ/D4, cấp ngày 19-12-1995 đứng tên ông Nguyễn Văn Nh không phải là di sản thừa kế của cụ O và cụ Ng mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Văn Nh; các nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp là tài sản chung theo Tờ minh định ngày 09-8-2004 là không có cơ sở bởi lẽ: Sau khi lập Tờ minh định các đương sự không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, đất này ông Nh vẫn tiếp tục sử dụng đến khi ông Nh chết, tài sản là di sản thừa kế không thỏa mãn các điều kiện tiểu mục 1.3 mục 1 phần II của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th là có căn cứ, phù hợp tại Án lệ số 24/2018/AL nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Nguyệt T2 không có tranh chấp đối với tài sản này với các con của ông Nhung (chị C, chị T, anh T1) nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Ông Đ, bà A, bà Th mỗi người phải chịu 2.900.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định giá do ông Đ, bà A, bà Th đã thanh toán xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Th chịu 300.000 đồng tiền án phí là phù hợp. Ông Đ, bà A là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí phù hợp tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Th chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

- Ông Đ, bà A là người cao tuổi được miễn án phí tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

[8] Xét đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 213; 218, 220, 649, 651 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th đối với chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Ngọc C về “Tranh chấp thừa kế tài sản” phần đất diện tích 622,8 m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 10, (tương ứng thửa 51, tờ bản đồ số 27), tọa lạc tại khu phố ND, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Văn Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02146 QSDĐ/D4, cấp ngày 19-12-1995.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 15.940.000 đồng theo Biên lai thu số 0001972 ngày 02-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà Th số tiền 15.640.000.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Th chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000532 ngày

17-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, bà Thanh đã nộp đủ án phí.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu số tiền 2.900.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định giá do ông Đ, bà A, bà Th đã nộp. Ghi nhận các đương sự đã thanh toán xong.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS TP.Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm